

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Quảng Nam thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Thông tư số 17/2023/TT-BKHHCN ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 467/TTr-SKHHCN ngày 25/3/2024 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 312/TTr-SNV ngày 29/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (CDNN) của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Quảng Nam thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam cụ thể như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm:

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 04 vị trí;
- Vị trí việc làm CDNN chuyên ngành: 09 vị trí;
- Vị trí việc làm CDNN chuyên môn dùng chung: 06 vị trí;
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

(Phụ lục I kèm theo)

2. Cơ cấu viên chức theo CDNN:

- Viên chức giữa CDNN hạng II và tương đương: 29%.
- Viên chức giữ CDNN hạng III và tương đương: 57%.
- Viên chức giữ CDNN hạng IV và tương đương: 7%.

(Phụ lục II, III kèm theo)

Điều 2. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ chuyên ngành và tình hình thực tế tại đơn vị, thực hiện phê duyệt Bản mô tả công việc, khung năng lực từng vị trí việc làm của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Quảng Nam; đồng thời, rà soát, cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thời gian ủy quyền: từ ngày ký Quyết định đến ngày 31/12/2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo CDNN đã được phê duyệt; thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế theo quy định. Bố trí viên chức theo vị trí việc làm, cơ cấu viên chức đảm bảo phù hợp với số lượng biên chế viên chức được cấp thẩm quyền giao hằng năm.

b) Thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền theo quy định. Hoàn thành việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực; đồng thời, tiếp tục cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo CDNN (nếu có) theo quy định.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo CDNN và quản lý, sử dụng biên chế viên chức của Sở Khoa học và Công nghệ theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây của UBND tỉnh trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Ghi chú
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (04 vị trí)		
1	TTKHCN&ĐMST.LĐQL.01.01	Giám đốc Trung tâm	
2	TTKHCN&ĐMST.LĐQL.02.02	Phó Giám đốc Trung tâm	
3	TTKHCN&ĐMST.LĐQL.03.03	Trưởng phòng thuộc Trung tâm	
4	TTKHCN&ĐMST.LĐQL.04.04	Phó Trưởng phòng thuộc Trung tâm	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành (09 vị trí)		
1	TTKHCN&ĐMST.NVCN.01.05	Nghiên cứu viên chính	
2	TTKHCN&ĐMST.NVCN.02.06	Nghiên cứu viên	
3	TTKHCN&ĐMST.NVCN.03.07	Kỹ sư chính	
4	TTKHCN&ĐMST.NVCN.04.08	Kỹ sư	
5	TTKHCN&ĐMST.NVCN.05.09	Kỹ thuật viên	
6	TTKHCN&ĐMST.NVCN.06.10	Đánh giá sự phù hợp hạng II	
7	TTKHCN&ĐMST.NVCN.06.11	Đánh giá sự phù hợp hạng III	
8	TTKHCN&ĐMST.NVCN.07.12	Năng suất, chất lượng hạng III	
9	TTKHCN&ĐMST.NVCN.08.13	Sở hữu trí tuệ hạng III	
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (06 vị trí)		
1	TTKHCN&ĐMST.CMDC.01.14	Chuyên viên về tổng hợp	

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Ghi chú
2	TTKHCN&ĐMST.CMDC.02.15	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	
3	TTKHCN&ĐMST.CMDC.03.16	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	
4	TTKHCN&ĐMST.CMDC.04.17	Kế toán viên	
5	TTKHCN&ĐMST.CMDC.05.18	Văn thư viên	
6	TTKHCN&ĐMST.CMDC.06.19	Chuyên viên thủ quỹ	
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ (03 vị trí)		
1	TTKHCN&ĐMST.HTPV.01.20	Nhân viên phục vụ	
2	TTKHCN&ĐMST.HTPV.02.21	Nhân viên bảo vệ	
3	TTKHCN&ĐMST.HTPV.03.22	Nhân viên lái xe	

(Tổng cộng 22 vị trí việc làm)./.

Phụ lục II

CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, THUỘC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		TỔNG CỘNG		20	
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (04 VTVL)			06	
1	TTKHCN&ĐMST.LĐQL.01.01	Giám đốc Trung tâm		01	
2	TTKHCN&ĐMST.LĐQL.02.02	Phó Giám đốc Trung tâm		01	
3	TTKHCN&ĐMST.LĐQL.03.03	Trưởng phòng thuộc Trung tâm		02	
4	TTKHCN&ĐMST.LĐQL.04.04	Phó Trưởng phòng thuộc Trung tâm		02	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (09 VTVL)			11	
1	TTKHCN&ĐMST.NVCN.01.05	Nghiên cứu viên chính	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	01	7.14%
2	TTKHCN&ĐMST.NVCN.02.06	Nghiên cứu viên	Nghiên cứu viên (hạng III)	01	7.14%
3	TTKHCN&ĐMST.NVCN.03.07	Kỹ sư chính	Kỹ sư chính (hạng II)	01	7.14%
4	TTKHCN&ĐMST.NVCN.04.08	Kỹ sư	Kỹ sư (hạng III)	01	7.14%
5	TTKHCN&ĐMST.NVCN.05.09	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên (hạng IV)	01	7.14%
6	TTKHCN&ĐMST.NVCN.06.10	Đánh giá sự phù hợp hạng II	Kỹ sư chính (hạng II) hoặc tương đương	02	14.29%
7	TTKHCN&ĐMST.NVCN.07.11	Đánh giá sự phù hợp hạng III	Kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương	03	21.43%
8	TTKHCN&ĐMST.NVCN.08.12	Năng suất, chất lượng hạng III	Nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương		
9	TTKHCN&ĐMST.NVCN.09.13	Sở hữu trí tuệ hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương	01	7.14%
III	VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (06 VTVL)			03	
1	TTKHCN&ĐMST.CMDC.01.14	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên		
2	TTKHCN&ĐMST.CMDC.02.15	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	01	7.14%
3	TTKHCN&ĐMST.CMDC.03.16	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)		01	
4	TTKHCN&ĐMST.CMDC.04.17	Kế toán viên	Kế toán viên		

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
5	TTKHCN&ĐMST .CMDC.05.18	Văn thư viên	Văn thư viên	01	7.14%
6	TTKHCN&ĐMST .CMDC.06.19	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên		
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (03 VTVL)				
1	TTKHCN&ĐMST .HTPV.01.20	Nhân viên phục vụ			
2	TTKHCN&ĐMST .HTPV.02.21	Nhân viên bảo vệ			
3	TTKHCN&ĐMST .HTPV.03.22	Nhân viên lái xe			

Phụ lục III

**TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, THUỘC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương	4	28.58%
2	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	8	57.14%
3	Chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương	1	7.14%
Tổng		13	92.86%